

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **142/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 29/9/2023

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Thành;

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai và ông Nguyễn Đức Lập.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Việt Hoa, Thư ký TAND thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên

tòa: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25,29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2023/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, do có kháng cáo đối với Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 241/2023/HNGĐ-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1960; Nơi ĐKTT: Số 105, D15, Tập thể Dệt 8-3, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1964; Nơi ĐKTT: Số 105, D15, Tập thể Dệt 8-3, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; nơi ở: số nhà 39, ngõ 195, tổ 29B, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (có mặt);

Người kháng cáo: bị đơn bà Đỗ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Đức L trình bày: Ông và bà Đỗ Thị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/01/1988 tại UBND xã Phú Lâm, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (Nay là xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn, ông bà chung sống bình thường đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, quan điểm, lối sống giữa hai bên có quá nhiều khác biệt. Mâu thuẫn vợ chồng đã âm ỉ nhiều năm. Bà T không hiểu chuyện, hay ghen tuông vô lý, thường xuyên có những lời lẽ chì chiết, xúc phạm, làm mất uy tín và danh dự của ông. Ông đã cố gắng phân tích, giải thích để bà T hiểu rõ bản chất vấn đề, nhưng bà T giữ quan điểm và thái độ

bảo thủ, không hợp tác, khiến cho cuộc sống chung vợ chồng ngày càng thêm ngột ngạt, không có lối thoát. Giữa ông bà từ lâu đã không có sự tôn trọng, yêu thương, chia sẻ, động viên mà chỉ có sự nghi kỵ, chán ghét lẫn nhau. Ông đã nỗ lực quan tâm, chiều chuộng bà T để mong hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà T luôn cự tuyệt, lảng tránh. Thực chất cuộc sống hôn nhân của ông bà đã chấm dứt từ 13 năm trước. Ông, bà chính thức ly thân từ năm 2010, mỗi người sống một nơi, không ăn chung, ngủ chung, không nói chuyện với nhau. Cũng vì thương các con nên ông đã chịu đựng tới khi các con trưởng thành, có cuộc sống riêng tự lập, ông mới làm đơn ra Tòa xin ly hôn bà T. Bản thân bà T cũng không còn tình cảm gì với ông, không quan tâm ông, bỏ mặc ông muốn sống ra sao thì sống, nhưng do ích kỷ, sĩ diện, không muốn mang tiếng bị chồng bỏ nên không đồng ý ly hôn với ông. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông kiên quyết xin ly hôn bà T để thanh thản sống nốt quãng đời còn lại.

Về con chung: Ông, bà có 03 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988 (Nam), Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 (Nữ) và Nguyễn Minh N, sinh năm 1999 (Nữ), đều đã thành niên và có cuộc sống riêng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

-Bị đơn là bà Đỗ Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/01/1988 tại UBND xã Phú Lâm, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (Nay là xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp. Ông L là người đàn ông đào hoa, có nhiều phụ nữ theo đuổi. Bà nghi ngờ ông L có mối quan hệ bên ngoài nhưng không có tài liệu chứng cứ để cung cấp cho Tòa. Ông bà chính thức ly thân từ năm 2010, mỗi người sống một nơi, không ăn chung, ngủ chung, không nói chuyện với nhau. Ông L không quan tâm đến bà, chỉ mãi mê làm ăn và các mối quan hệ xã hội bên ngoài, nhưng bà là người phụ nữ truyền thống, không muốn mang tiếng là vợ chồng đã lớn tuổi còn đưa nhau ra Tòa, bà không đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988, Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 và Nguyễn Minh N, sinh năm 1999, đều đã đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông L chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Tại Bản án sơ thẩm số 241/2023/HNGĐ-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội: *Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đức L đối với bà Đỗ Thị T: Ông Nguyễn Đức L được ly hôn bà Đỗ Thị T.

-Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988 (Nam), Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 (Nữ) và Nguyễn Minh N, sinh năm 1999 (Nữ), đều đã thành niên.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 22/8/2022, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng nhận được đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị T, kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn ông Nguyễn Đức L, nếu vợ chồng ly hôn thì bà yêu cầu giải quyết tài sản chung là đất ở quê Hải Dương, mà bố mẹ chồng cho vợ chồng cách đây 27 năm, theo giấy viết chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất ngày 30/11/1997.

-Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức L xin vắng mặt phiên tòa có ý kiến: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng không hòa giải được, nên tôi đồng ý quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, cho tôi ly hôn bà Đỗ Thị T.

Bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày: tôi vẫn giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo, không đồng ý ly hôn ông L, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng để bảo đảm quyền lợi cho tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, giành quyền khởi kiện chia tài sản chung cho ông L và bà T bằng vụ kiện khác nếu có yêu cầu. Các nội dung khác của bản án giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị T trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị T:

-Về hôn nhân: ngày 20/01/1988, ông Nguyễn Đức L và bà Đỗ Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Lâm, huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (nay tỉnh Bắc Ninh) trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc thời gian dài. Đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Đỗ

Thị T nghi ngờ ông Nguyễn Đức L chung sống với người khác, nhưng ông Nguyễn Đức L vẫn có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên lo liệu công việc lớn trong gia đình. Nay ông Nguyễn Đức L yêu cầu ly hôn, bà Đỗ Thị T không đồng ý ly hôn, cho rằng vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng không chung sống là do công việc của ông Nguyễn Đức L phải làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về chứ không phải do mâu thuẫn vợ chồng mà ông L không về nhà. Đồng thời các con chung của ông, bà là anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Minh N, sinh năm 1999 có đơn trình bày mong muốn bố, mẹ tiếp tục sống vui vẻ như hiện nay, xác nhận bố vẫn thường xuyên liên lạc hỏi thăm, quan tâm đến mẹ và các con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: ông Nguyễn Đức L cho rằng vợ chồng ly thân, nên mong muốn ly hôn bà T, nhưng nguyên nhân vợ chồng không ở cùng nhau là do công việc và mối quan hệ của ông L, và dẫn đến bà T nghi ngờ ông có chung sống với người khác. Xét thấy thực tế mâu thuẫn vợ, chồng chưa đến mức trầm trọng, vợ chồng vẫn quan tâm đến nhau và cùng lo việc gia đình, cần tiếp tục duy trì hôn nhân là phù hợp nguyện vọng các con, không có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của ông L theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về tài sản chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết cấp sơ thẩm, tại biên bản lời khai, hòa giải công khai chứng cứ, các bên đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị T có yêu cầu giải quyết tài sản chung là nhà đất ở Hải Dương. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là sửa bản án sơ thẩm theo hướng trên, để bảo đảm quyền lợi cho các bên đương sự.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo, nên bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị T; Sửa Bản án sơ thẩm số 241/2023/HNGĐ-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Xử:

1-Bác đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Đức L.

2-Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (đã nộp theo Biên lai số 0013059 ngày 08/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội).

3-Về án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm; Trả lại số tiền 300.000 đồng cho bà Đỗ Thị T tiền tạm ứng án

phí phúc thẩm (theo Biên lai số 0013482 ngày 10/5/2023 tại Chi cục thi hành án quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội).

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29/9/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Thành